

PHẬT THUYẾT THẬP THIÊN NGHIỆP ĐẠO KINH GIẢNG GIẢI

Chủ giảng: HT Tịnh Không

Chuyển ngữ: Thích Nữ Huệ Hạnh

Giọng đọc: NSUT Phú Thăng

Bài số 47

(Trong bài giọng nam là lời giảng của HT, giọng nữ là những chú giải thêm.)

Kinh văn 54: **“Chỉ trang nghiêm cố, tất năng diệt trừ nhất thiết kiết sử. Quán trang nghiêm cố, năng như thật tri chư pháp tự tánh”**

(nghĩa là: Dùng chỉ trang nghiêm có thể dứt trừ tất cả phiền não; Dùng quán trang nghiêm có thể biết được tự tánh của các pháp đúng như thật).

“Chỉ”, “Quán” tiếng Phạn đọc là “Xa- ma- tha”, “Tỳ-bà- xá- na”, “Thiền na”. “Xa- ma- tha” dịch là “chỉ”, “Tỳ-bà- xá -na” dịch là “quán”, “Thiền na” là “Chỉ quán viên dung”. Và hàm nghĩa của các danh từ này có thể dùng thay cho nhau, “Xa- ma -tha” có thể dịch là “Chỉ”, cũng có thể dịch là “Quán” nhưng thiên về “Chỉ” hơn, “Tỳ- bà –xá- na” tuy dịch là “Quán” nhưng cũng có ý nghĩa “Chỉ”. Trên thực tế chỉ quán nhất định là viên dung, trong chỉ có quán, trong quán có chỉ. Giả dụ chỉ có “chỉ”, không có quán, chính là “Vô tướng định”, tu vô tướng định thì không liên quan gì

với Phật pháp. Thiền định trong Phật pháp có “Quán” cũng chính là trong Định có cảnh giới.

“Chỉ Quán” là tổng cương lĩnh tu hành của nhà Phật, bất luận tu pháp môn nào đều không rời chỉ quán. Pháp môn niệm Phật cũng là tu chỉ quán, “Buông bỏ vạn duyên” là chỉ, “Đề khởi Phật hiệu” là quán. Do đó có thể biết, chỉ quán chính là thiền định, niệm Phật cũng là tu thiền, nên Kinh Đại Tập nói pháp môn niệm Phật là **“Vô thượng thâm diệu thiền”**. (nghĩa là tối thượng thiền)

“Chỉ Quán” cũng gọi là “Định Huệ”, trong đó định là chỉ, tuệ là quán; cũng có khi gọi là “Tịch Chiếu”, Tịch là chỉ, Chiếu là quán, hoặc là “Minh Tĩnh”, Minh là quán, Tĩnh là chỉ.

“Chỉ” có nghĩa là “đình chỉ, chỉ tức”. Trong mười thiện nghiệp, chỉ tức dừng mười ác, đề khởi mười thiện, khởi tâm động niệm đều là mười thiện, cũng là cái gọi là **“Động niệm thì vạn thiện cùng theo, chỉ tĩnh thì nhất niệm không sanh”**. Được vậy tức là đạt được công phu chỉ quán rồi. Gốc của vạn thiện là mười thiện nghiệp, gốc của vạn ác là mười ác nghiệp. Vì thế từ sơ học đến quả vị Như Lai có vô lượng vô biên pháp môn, có Lục độ, Tứ nhiếp, 37 phẩm trợ đạo, vậy thì làm sao thực hành được chỉ quán? Tất cả đều ở mười thiện nghiệp, xa lìa mười thiện nghiệp thì mọi Phật pháp đều rơi vào trống không vậy.

Từ cơ bản nhất mà nói là phước thứ nhất trong “Tĩnh nghiệp tam phước”, nếu không có mười điều thiện thì không cách nào thực hành được **“Hiếu thân, tôn sư, từ tâm bất sát”**. Chúng ta không biết gì về mười thiện lại còn mỗi

ngày mỗi tạo mười ác nghiệp thì như trong Kinh Địa Tạng dạy **“Chúng sanh trong Diêm Phù Đề khởi tâm động niệm hết thấy đều tạo tội lỗi”**, đặc biệt là xã hội ngày nay không còn luân thường.

(Chú giải: “Luân” là loại, ngũ là 5, ngũ luân, chỉ cho 5 mối quan hệ XH, đó là “Phu phụ hữu biệt” (là vợ chồng phân biệt), “Phụ tử hữu thân” (là cha con thân thiết), “Trưởng ấu hữu tự” (là Anh em có tôn ty, thứ tự), “Bằng hữu hữu tín” (là bạn bè phải có chữ tín), Quân thần hữu nghĩa là (vua tôi có nghĩa), có được như vậy thì xã hội mới an định và phát triển.

“Thường” là thường hằng vĩnh viễn chẳng thay đổi, Ngũ Thường là chỉ cho 5 loại đạo nghĩa thường hằng, đó là: “NHÂN, LỄ, NGHĨA, TRÍ, TÍN”. Đây là căn bản để làm người, nếu thiếu một điều kiện thì bạn không phải là người, (hoặc nói theo pháp thế gian ví như con người có 5 giác quan vậy. Nếu bạn thiếu đi một giác quan, Ví dụ như bạn thiếu đi con mắt chẳng hạn) bạn sẽ thành phế nhân.

Con cái giết hại cha mẹ, cha mẹ sát hại con cái, anh em tàn sát lẫn nhau mỗi ngày mỗi nhiều. Đó đâu phải xã hội con người, vì con người phải biết đạo lý.

“Đạo” là gì? Đạo là pháp tắc tự nhiên vĩnh hằng không biến đổi.

Người Trung Quốc nói “Ngũ đạt đạo”, đạt là thông đạt, đạo là Ngũ luân. Ngũ luân là vợ – chồng, cha – con, anh – em, vua – tôi và bạn bè. Đây là năm mối quan hệ giữa

người với người và cũng là pháp tắc rất tự nhiên. Hiểu rõ về các mối quan hệ này gọi là đạt đạo. Hiểu được rồi tùy thuận đại đạo thì gọi là tận nghĩa vụ. Nghĩa vụ là tự nhiên “cho đi” mà không điều kiện. “Phụ từ tử hiếu” (là cha lành con hiếu), (huynh lương đệ đệ) là anh nhường em kính phải tận nghĩa vụ thì xã hội mới trật tự. Giống như bốn mùa xuân, hạ, thu, đông, 24 tiết khí có thứ tự. Các hành tinh di chuyển trong không gian cũng có thứ tự vậy, ví như không có thứ tự thì loạn rồi. Từ đó cho thấy, đạo là trật tự vĩnh hằng không biến đổi, thứ tự này là tự nhiên, không phải do con người tạo ra.

Mười thiện nghiệp là thường đạo, là đại đạo căn bản, là đại đạo mà trời người và Thánh nhân tam thừa cùng đồng hành

(Chú giải: Thừa là xe, tam thừa là ba cỗ xe, dụ cho giáo lý dẫn dắt chúng sanh đi đến giác ngộ, giải thoát, “liễu sinh tử, thoát luân hồi”. Đức Phật tùy theo căn cơ của chúng sanh mà chế ra 3 loại pháp môn khác nhau gọi là Tam Thừa. Thanh văn thừa là tiểu thừa, Duyên giác thừa là trung thừa, và Bồ tát thừa là đại thừa).

Đi ngược đại đạo ắt gặp tai họa. Đây là đạo lý nhất định. Tai họa chính là ba đường ác, đọa lạc ba đường ác rồi thì dù hối hận cũng không kịp. Phật Bồ tát đại từ đại bi, chúng sanh đọa ba đường ác các Ngài cũng không từ bỏ, nên địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh đều có chư Phật, Bồ tát ở đó giáo hóa chúng sanh. Chúng sanh nơi ác đạo nghiệp chướng quá nặng, tu hành có khó khăn nhất định, không thuận lợi như cõi người, trời, nên họ muốn quay đầu cũng không dễ. Thế

nhưng chư Phật, Bồ tát từ bi vô tận vẫn không từ bỏ chúng sanh, vẫn mong giúp họ tiêu tai nghiệp chướng.

Giúp thế nào? Trong Kinh Địa Tạng chúng ta thấy rất rõ ràng, trước tiên là giúp họ có lại được thân người, thoát ly ba đường ác, nhưng được thân người rồi lại mê hoặc thì sẽ quay lại ác đạo rất nhanh. Được thân người phải thành tựu ngay đời này, vĩnh viễn không đọa ba đường ác, việc này quá khó.

Chúng ta lấy mình ra làm ví dụ thử, vì đâu tập khí của ta lại nặng như vậy? Vì tàn dư trong ba đường ác vẫn chưa được sửa. Tập khí này nếu không sửa, sau khi chết lại rất nhanh quay về ba đường ác. Như Địa Tạng Bồ Tát có nói, không hề dễ giúp chúng ta lên cõi người, vì chưa được mấy ngày ta lại quay lại rồi.

Một ngày cõi Ngạ quỷ là một tháng ở nhân gian, nếu từ cõi Ngạ quỷ hồi phục được thân người và thân người này sống đến 100 tuổi, sau khi chết lại quay lại cõi Ngạ quỷ tính ra mới chỉ có mấy ngày. Đây là sự chênh lệch thời gian rất lớn! Mà sự chênh lệch thời gian ở Địa ngục lại càng lớn, một ngày ở Địa ngục bằng hai ngàn bảy trăm năm ở nhân gian. Giả sử chúng ta sống được một trăm năm lại quay về địa ngục thì giống như đi chưa đến một giờ đồng hồ rồi quay lại. Vậy mới biết thoát ly ba đường ác quả thật rất khó.

Phật lấy hình ảnh “Đầu chìm đầu nổi” làm ví dụ. Ví dụ này rất đáng suy ngẫm. Chỉ cần còn trong lục đạo thì ba đường ác chắc chắn là quê nhà, đến tam thiện đạo cũng như ra ngoài du lịch thời gian ngắn liền phải trở về. Ở trong cõi ác tức là “đầu chìm”, chìm đắm dưới nước. Sanh ba đường thiện là “đầu nổi” nhưng chỉ là thỉnh thoảng nổi lên hít một

hơi không khí tươi mát thôi. Phật lấy hình ảnh ấy để hình dung chân tướng sáu cõi, nên nói tóm lại chúng sanh trong sáu cõi là “kẻ đáng thương”.

Tập khí của chúng sanh trong sáu cõi rất nặng, thích truy cầu hưởng thụ ngũ dục lục trần tài, sắc, danh, thực, thù, đây là quan niệm tuyệt đối sai lầm. Quan niệm này vốn có từ lâu, là từ vô lượng kiếp huân tập mà thành. Đức Phật khổ công nhọc sức khuyên chúng ta dừng lại vì những ý nghĩ, vì những tư tưởng cách nhìn này đều là sai lầm. Đời sống vật chất quá phong phú thì không muốn xa lìa. Những điều Phật pháp dạy ta mục đích cuối cùng là lìa khổ được vui, cho nên Phật đề xướng khổ hạnh. Nhưng Phật dạy chúng ta lìa khổ được vui, tại sao Đức Phật phải tu khổ hạnh, tán thán khổ hạnh? Vì “lìa khổ được vui” của Phật dạy không phải là cái vui của trời người, của lục đạo, mà là cái an vui của thế giới Tây phương Cực lạc, là cái an vui của thế giới Hoa Tạng. Nếu chúng ta tham luyến cái vui lục đạo, cái vui trong mười pháp giới thì vĩnh viễn không thể chứng được nhất chân pháp giới. Cái an vui của nhất chân pháp giới là niềm vui thật (tức là chân lạc), không thoái chuyển, không biến chất; còn cái vui trong lục đạo vô cùng dễ biến chất, gọi là “lạc cực sanh bi”. *(Có nghĩa là “Sướng quá hóa khổ”. Đẳng sau sự vui sướng quá mức sẽ là khổ đau. Ví dụ bạn ăn 1 bát cơm bạn thấy rất ngon, 2 bát đã không ngon bằng rồi, đến bát thứ 3, 4, thậm chí đến bát 5 thì có khi bội thực rồi, khổ rồi).*

Chúng đắc A La Hán là tiểu quả, là cái vui nhỏ. Thoát khỏi luân hồi lục đạo đến Tứ thánh pháp giới gọi là tiểu quả. Đại sư Thiên Thai gọi là “Tương tự tức” là cái vui tương tự (nghĩa là tương tự lạc), không phải là chân lạc

(nghĩa là vĩnh hằng, không biến, không mất gọi là chân). Chân lạc nhất định phải vượt ra mười pháp giới. Thế nên Phật tán thán khổ hạnh là vì vậy. Khổ hạnh khiến chúng ta không còn lưu luyến Tam đồ Lục đạo. Ví như chúng ta gặp duyên thù thắng, niệm Phật cầu sanh Tịnh độ, đời này mới có thành tựu, nhưng tâm niệm của chúng ta không buông xả thú vui của ngũ dục trong lục đạo thì không thể vãng sanh, vậy là bỏ lỡ cơ hội tốt của đời này.

Cho nên, trong cuộc sống thường ngày, chúng ta phải học tập “Chỉ Quán”, phải dừng lại mọi ý nghĩ tham muốn thọ dụng, hiểu rõ tất cả pháp thế xuất thế gian.

Buổi đầu học Phật, tôi thỉnh giáo Đại sư Chương Gia xem phương pháp nào thiện xảo nhất để vào cửa Phật. Ngài dạy tôi rằng: “*Nhìn cho thấu, buông cho được*”. Đây chính là chỉ quán. Nhìn thấu là quán, buông bỏ là chỉ. Nhìn thấu là phải quán sát tỉ mỉ chân tướng sự thật, mà điều quan trọng của chân tướng sự thật là nhìn nhân quả. Nhân quả bày ra trước mặt, chúng ta từ quả báo thì thấy được nhân hành của nó, từ nhân hành có thể thấy ra quả báo, vậy là đã rõ ràng rồi. Hết thấy đều thấy rõ ràng, vậy thì chúng ta tự nhiên buông bỏ, buông không được là do còn chưa thấy rõ ràng. Hai điều này ý nghĩa vô cùng rộng xuyên suốt toàn bộ Phật pháp và là tổng cương lĩnh tu hành Phật pháp.

“**Kiệt sử**” là đại danh từ của phiền não. “**Nhất thiết kiết sử**” chính là Kiến tư phiền não, Trần sa phiền não và Vô minh phiền não mà Phật Pháp thường nói đến. Làm sao để đoạn phiền não? Phương pháp chỉ quán có thể đoạn trừ phiền não. Chỉ là định, đem tâm an trụ một chỗ. An trụ ở đâu? Điều này không có nhất định vì các pháp môn khác

nhau, nhưng “An trụ nhất xứ” (nghĩa là an trụ một chỗ) là nguyên tắc xuyên suốt, là không biến đổi. “*Chế tâm nhất xứ, vô sự bất biến*” (nghĩa là chế ngự tâm lại một chỗ, thì không việc gì không thành) cũng là ý này.

Phàm phu vọng niệm rất nhiều, “*tâm viên ý mã*” (nghĩa là tâm ví như con vượn, ý ví như con ngựa) nên tâm không dừng lại được.

Tịnh tông dạy chúng ta an trụ trong Phật hiệu. Thực ra phương pháp chế tâm của Tịnh Tông rất nhiều nhưng đại khái chia thành 4 loại phương pháp niệm Phật gồm: Quán Tưởng niệm Phật, Thật Tướng niệm Phật, Quán Tượng niệm Phật và Trì danh niệm Phật. Bốn loại này mỗi một loại lại phân thành nhiều nhánh nhỏ hơn. Kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật dạy có 16 loại phương pháp, gọi là “Thập lục quán”. Chúng ta tu bất kỳ một pháp quán nào đều có thể chế tâm một chỗ, đều định được tâm; nói cách khác là đều có thể đoạn phiền não.

Trì danh niệm Phật là phép quán thứ 16, cũng là pháp cuối cùng của Thập lục quán, đây là một pháp môn đặc biệt. Trong cách giảng Kinh thuyết pháp Phật Thích Ca Mâu Ni có một nguyên tắc đó là điều tốt nhất để ở sau cùng, giống như hát kịch vậy, tiết mục hay nhất nhất định phải để sau cùng. Nguyên tắc này tương ứng với pháp thế gian, có thể thấy được Phật pháp không xa rời pháp thế gian. Ví dụ như trong Hội Lăng Nghiêm hai mươi lăm viên thông theo thứ tự lục căn, lục trần, lục thức thì “Quán Thế Âm Bồ Tát nhĩ căn viên thông” nên xếp ở vị trí thứ 2 nhưng Đức Phật đã xếp vào vị trí cuối cùng vì đây là pháp môn đặc biệt.

“*Chế ngự tâm lại một chỗ*” là đem tâm dừng ở chỗ nào? Dừng ở danh hiệu Phật, danh hiệu Phật chỉ có 4 chữ. Chúng ta thấy trong Trúc Song Tùy Bút, có người hỏi Đại sư Liên Trì rằng:

- Đại sư dạy người khác niệm Phật bằng cách nào?

Đại sư trả lời:

- Tôi dạy người khác niệm sáu chữ Nam Mô A Di Đà Phật.

Người đó lại hỏi:

- Vậy còn bản thân Đại sư thì niệm thế nào?

Đại sư trả lời:

- Bản thân tôi niệm bốn chữ A Di Đà Phật.

Người đó hỏi tiếp:

- Tại sao lại như vậy?

Đại sư đáp:

- Vì tôi quyết tâm đời này nhất định phải sanh Tịnh độ cho nên tôi chấp trì danh hiệu Phật, đây là Kinh A Di Đà dạy danh hiệu chỉ có bốn chữ. Thế nhưng khi dạy người khác, vì họ chưa phát tâm cầu sanh Tịnh độ nên tôi dạy họ niệm sáu chữ, thêm vào hai chữ “Nam Mô”. Nam Mô tiếng Phạn nghĩa là quy y, cung kính tức quy y Phật A Di Đà, cung kính Phật A Di Đà.

Từ đó có thể thấy, người thật sự hạ quyết tâm sanh Tịnh độ thì không cần lời khách sáo nữa, có thể lược bớt, niệm sáu chữ chỉ bằng niệm bốn chữ, càng đơn giản càng đắc lực. Đạo lý là ở chỗ này.

Tâm dừng trong câu Phật hiệu A Di Đà Phật thì quả nhiên tâm không động, phiền não tự nhiên đoạn, không khởi hiện hành. Niệm niệm trong tâm đều là A Di Đà Phật tức là “Tịnh niệm tương tục”. Niệm A Di Đà Phật là “tịnh niệm”, một câu tiếp nối một câu không đoạn là “tương tục”; còn như niệm bị đứt đoạn thì vọng niệm, tạp niệm lại sanh. Có thể nói đây là một phương pháp thù thắng nhất trong tất cả pháp môn tu hành, vì đơn giản, dễ dàng, chắc chắn, và có thể nhanh thành tựu. Cho nên, phiền não không cần đoạn, chỉ cần đặt tâm an trụ trong câu danh hiệu A Di Đà Phật, phiền não tự nhiên từ từ liền đoạn.

Tất cả pháp thế gian đều là giả, không điều gì là thật. Kinh Kim Cang kết luận bằng lời dạy ***“Tất cả pháp hữu vi đều như mộng, huyễn, bọt, bóng”***. Chúng ta phải niệm nhiều và suy nghĩ nhiều một chút. Câu dạy ấy hoàn toàn chân thật. “Mộng, ảo”, “bọt, bóng” thời gian tồn tại vô cùng ngắn ngủi, “như sương, như sám lóe” vậy; nếu ta để vào tâm những pháp hư huyễn ngắn ngủi này thì đến cuối cùng chỉ còn là một bãi trống không.

Đức Phật thường dạy rằng tài sản của ta ở thế gian này không cách nào mang theo được, người, vật mà ta yêu mến cũng không mang theo được, ngay cả người thân của ta cũng không thể mang theo.

Người Trung Quốc dùng từ “luân lý” còn Phật pháp dùng từ “Pháp quyền thuộc”, cách dùng này viên mãn sâu

sắc hơn so với Nho giáo. Sở dĩ chúng ta thành người một nhà cũng vì không ngoài bốn loại duyên gồm là báo ân, báo oán, trả nợ và đòi nợ. Không có bốn loại duyên thì không phải là người một nhà. Kể cả đoàn thể chùa chiền của người xuất gia, tứ chúng đồng tu ở cùng với nhau cũng vì bốn loại duyên này. Thông qua giáo hóa của Đức Phật, bốn loại duyên này đều biến duyên thiện, duyên ác thành Pháp duyên. Chúng ta hiểu rõ rồi thì đối với việc ân oán của thế gian này nên xóa sạch hết, không đặt chúng vào tâm, ân đức thiện hạnh có thể để vào tâm, còn như oan nghiệp, tội hành thì xóa bỏ hết. Có vậy người với người mới cùng chung sống hòa thuận, mọi người cùng nhau nỗ lực tu học Phật pháp, không tạo ra luân hồi lục đạo, đồng tâm đồng đức cầu sanh Tịnh độ. Cộng tu như vậy là như pháp, mới thật là một tăng đoàn hòa hợp, kiến hòa đồng giải, giới hòa đồng tu.

Chúng ta tu hành phương pháp giống nhau, đó là đều thực hành phương pháp trì danh hiệu Phật, mỗi niệm đều tu mười thiện nghiệp thì ấy chính là “Giới hòa đồng tu”. Thế gian hư vọng không đáng lưu luyến, đồng tâm đồng đức cầu sanh Tịnh độ thì đây là “Kiến hòa đồng giải”. Cứ trên cơ sở này tổ chức tăng đoàn cùng tu thì lý nào lại không thành tựu. Phương pháp này đầy đủ chỉ quán, không nên để vào tâm tất cả pháp thế xuất thế gian khác, mỗi niệm “chỉ quán” đầy đủ, mỗi niệm ly ác, tu thiện, niệm Phật như vậy cầu sanh Tịnh độ mới có thể chắc chắn, mới không bỏ lỡ.

Cổ đức nói, nếu dùng phương tiện môn đã tu mà nói, “Chỉ” thuộc về không môn, tức Chân như môn, vì nó là tất cả tướng. “Quán” thuộc hữu môn, tức Sanh diệt môn, nó là đối với tất cả các pháp hữu vi mà lý giải thù thắng, cũng

chính là nói quán là trí huệ, mà trí huệ có thể thông đạt tất cả pháp thể xuất thế gian.

Đại Kinh dạy ***“Lìa tất cả tướng tức là tất cả pháp”***. Lìa tất cả tướng là chỉ, tức tất cả pháp là quán. Theo thứ tự tu hành mà nói, chỉ (hay chính là định) phải được xếp phía trước vì “chỉ” có thể chế phục phiền não; còn đoạn phiền não phải quán. Trước là tu “chỉ”, sau mới tu “quán”. Quán có thể thấy rõ chân tướng phiền não, có thể chuyển phiền não thành Bồ đề. Nhưng khi công phu đạt đến thuần thực so với sơ học thì sẽ khác nhau, người sơ cơ tu học thì phải theo thứ tự trước sau, còn với người có công phu thuần thực thì trong chỉ có quán, trong quán có chỉ, chỉ quán không phải là hai.

Tu học Phật Pháp Đại thừa, bất luận theo pháp môn nào, nhất định phải hiểu được nhất môn thâm nhập. Nhất môn thâm nhập là chỉ, buông bỏ hết thấy pháp thể xuất thế chính là chỉ. Công phu tập trung vào một môn thì một môn này chính là quán. Buông bỏ vạn duyên là chỉ, cho nên nhất môn thâm nhập là chỉ quán cùng vận hành.

Phải dùng tâm thái gì đi tu học? “Chí thành cảm thông”. Chí thành là nhân, cảm thông là quả. Nói cách khác, phải dùng tâm chân thành nhất môn thâm nhập mới có thể khai ngộ chứng quả.

Hình dạng của “Cảm thông” là thế nào? Thông là thông đạt, pháp thể xuất thế gian tuy không học mà thông đạt, thì đây chính là hình dạng của cảm thông. Cảm thông cũng có thứ bậc nông sâu khác biệt, có tiểu ngộ, có đại ngộ, có triệt ngộ. Đại sư Ấn Quang nói *“Một phần thành kính thì một phần lợi ích”* thì đây là tiểu cảm thông, còn *“Mười*

phân thành kính thì được mười phần lợi ích” là đại cảm thông. Từ đó mà thấy năng lực cảm thông lớn hay nhỏ là tỉ lệ thuận với tâm thành kính của chúng ta. Tâm thành kính đó nhìn từ chỗ nào? Là từ mười thiện nghiệp, quả thật đoạn mười ác, hành mười thiện chính là chí thành.

Muốn biết công phu nông sâu thì nhìn vào thành quả của việc đoạn ác tu thiện. Đối với hết thầy người, vật, việc đều lấy mười thiện nghiệp làm tiêu chuẩn, không sanh niệm mười ác; biết vận dụng chỉ quán, khi chỉ thì nhất niệm không sanh, khi quán vạn thiện cùng theo, khởi tâm động niệm thuần thiện đối với người, vật, việc thì lúc này đây khoảng cách với cảm thông đã không còn xa. Một hiện tượng thô thiên nhất, Tam tạng mười hai bộ kinh bày ra trước mắt chúng ta, ta đều có thể thông đạt không chướng ngại, mỗi một chữ mỗi một câu đều là vô lượng nghĩa vậy. Một câu nói trong Kinh giảng cả đời đều giảng không hết. Đây là sự thật.

Thật sự “*Nhất môn thâm nhập*” ắt sẽ có năng lực này. Mở quyển Kinh ra mà còn nhiều chướng ngại cho thấy chúng ta không “thông”, cũng không “nhập”. “Nhập” chưa có thì “Thâm” càng không cần phải nói. Cho nên bí quyết tu hành Phật pháp chính là “*Nhất môn thâm nhập*”.

Chúng ta thường nêu ví dụ, Phật pháp như quả cầu tròn, quả cầu thì có tâm tròn, tám vạn bốn ngàn pháp môn, vô lượng pháp môn giống như một điểm bất kỳ trên mặt quả cầu, bất kỳ điểm nào cũng đều thông đạt với tâm tròn của quả cầu, nên chỉ cần đạt đến tâm tròn tức đã thông đạt toàn bộ. Không đạt đến tâm tròn thì không thông đạt, chúng ta chỉ biết một môn, không biết môn thứ hai.

Chúng ta cũng rất muốn thông đạt nhưng sao không thông đạt được? Vì còn nghiệp chướng, nghiệp chướng tiêu trừ tự ắt sẽ thông. Nghiệp chướng là gì? Kiến tư phiền não, trần sa phiền não, vô minh phiền não thấy đều là nghiệp chướng và nghiệp chướng ấy có gốc rễ rồi. Chúng ta phải tìm cho ra gốc rễ ấy, rồi từ gốc rễ đó mà tu hành thì rất nhanh. Gốc rễ ấy chính là tâm, tức là khởi tâm động niệm. Khởi tâm động niệm còn có gốc rễ, đó là tự tư tự lợi. Cho nên nếu không thể buông bỏ tự tư tự lợi thì xem như ngay cửa đầu tiên đã không phá được.

Tự tư tự lợi trong Kinh Kim Cang gọi là “Ngã tướng”, “Ngã kiến” “Ngã chấp”. Kinh Kim Cang dạy: **“nếu Bồ tát có ngã tướng, nhân tướng, chúng sanh tướng, thọ giả tướng thì không phải là Bồ tát”**. Theo lẽ thường mà nói “không phải là Bồ tát”, “bồ tát” ở đây chính là pháp thân Bồ tát vậy. Vì cách nhìn của ta không cao như vậy nên câu “không phải là Bồ tát”, nên hiểu là không phải quả vị Bồ tát sơ tín của Viên giáo. Như vậy mới thật sự phù hợp nghĩa Kinh. Bồ tát sơ tín vị đã phá 88 phẩm kiến hoặc trong Tam giới rồi, tức đều buông bỏ thân kiến, biên kiến, giới thủ kiến, kiến thủ kiến, tà kiến rồi, trong Tiểu thừa tương đương sơ quả Tu Đà Hoàn. Bồ tát như vậy mới thật sự nhập môn. Cửa khó đầu tiên phá được rồi về sau tu hành liền thuận buồm xuôi gió.

Bất luận tại gia hay xuất gia thì thiện căn của mỗi người đều sâu dày, nhưng từ vô lượng kiếp tới nay đời đời kiếp kiếp tu hành nhưng chưa đột phá nên vẫn là phàm phu sanh tử. Nếu chứng Tiểu thừa sơ quả là quả vị Bồ tát sơ tín của Viên giáo Đại thừa thì người này là Thánh nhân. Tiểu thừa sơ quả đã siêu phàm nhập thánh, tuy chưa ra khỏi Tam

Hôm nay thời gian đã hết, chúng ta giảng đến đây thôi.

*Không làm các việc ác,
Vâng làm các việc lành,
Tự thanh tịnh tâm ý,
Đó là lời Phật dạy*

Website: “www.duongdenhanhphuc.vn”

Kênh Youtube: “duongdenhanhphuc”

*Hoan nghênh mọi hình thức ấn tống, sao chép, copy,
công đức vô lượng!*

